GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 5 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000559

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 05/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 12/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư / Equipments ☐	Phụ tùng / Accessories ☐	Công cụ dụng cụ / Tools ☐	Dịch vụ / Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : / Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : / Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao / Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0293	đinh vít	GB825-88	Cái	Dùng chung cho PXSC	400.00	0	400	0	400.00	Tiêu hao
2	1201.02.1404	Đinh vít	Ø4 L=70mm	Kg	nt	6.00	0	6	0	6.00	nt
3	1201.02.1090	Đinh rút nhôm	M3	Cái	nt	500.00	0	500	0	500.00	nt
4	1201.02.1096	Đinh rút nhôm	M5	Cái	nt	500.00	0	500	0	500.00	nt
5	1101.02.0785	Đá cắt	D400x16x1,5	Viên	nt	20.00	0	20	0	20.00	nt
6	1201.02.1373	Đá cắt	Ø355x3x25.4	Cái	nt	10.00	0	10	0	10.00	nt
7	1201.02.1388	Đá cắt	Ø180x2x22mm	Cái	nt	50.00	0	50	0	50.00	nt
8	1201.02.1131	Đá cắt thép không gỉ (Cut stone)	100x16x1,5	Cái	nt	300.00	0	300	0	300.00	nt
9	1201.02.1132	Đá cắt thép không gỉ (Cut stone)	150x22x2	Cái	nt	200.00	0	200	50	200.00	nt
10	1201.02.0056	Giấy giáp thô	P400, khổ 230x280mm	Tờ	nt	40.00	0	40	0	40.00	nt
11	1201.02.0859	Giấy giáp mịn	P600, khổ 230x280mm	Tờ	nt	30.00	0	30	5	30.00	nt
12	1201.02.0860	Giấy giáp mịn	P800, khổ 230x280mm	Tờ	nt	30.00	0	30	5	30.00	nt

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
13	1201.02.0861	Giấy giáp mịn	P1200, khổ 230x280mm	Tờ	nt	30.00	0	30	5	30.00	nt
14	1201.02.0865	Giấy giáp mịn	P1000, khổ 230x280mm	Tờ	nt	30.00	0	30	5	30.00	nt
15	1201.02.0426	Bàn chải sắt		Cái	nt	20.00	0	20	0	20.00	nt
16	1201.02.1093	Đinh rút nhôm	M4	Cái	nt	500.00	0	500	0	500.00	nt
Cộng/ToTal						**2 666.00**	**0**	**2 666**		**2 666**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 21 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000601

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Mai Quý Ngữ	Ngày đề nghị: 21/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 25/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0801.01.0015	Van bi (Ball valve)	DN80, PN1.0 Mpa (Sus316)	Cái	Dự phòng thay thế van DN 80 hệ thống nhà máy.	5.00	1	4	0	5.00	
2	1401.01.0314	Thép góc	V75x75x7x6000mm	m	Dự phòng sửa chữa thay thế gia công kết cấu thép.	120.00	0	120	0	120.00	
3	1401.01.0316	Thép góc	V100x100x10x6000mm	m	Dự phòng sửa chữa thay thế gia công kết cấu thép.	120.00	0	120	0	120.00	
4	1401.02.0263	Thép chữ H	200x200x8x12x12mm	m	Ga công khung gia đỡ xe căng băng thủy lực C7B	24.00	12	12	0	24.00	Có thể cắt thành 2 đoạn mối đoạn 6 m để tiện vận chuyển.
5	1401.01.0312	Thép góc	V50x50x5x6000	m	Dự phòng sửa chữa thay thế gia công kết cấu thép.	120.00	0	120	72	120.00	
6	0601.02.0006	Cao su giảm chấn	190x200mm	Cái	Thay giảm chấn cấp rung cầu trục bốc than.	12.00	4	8	0	12.00	Có bản vẽ kèm theo mua hàng.
7	0603.02.0007	Giảm chấn hành trình	250x300mm	Cái	Thay giảm chấn hành trình máy đánh đống phá đống	8.00	4	4	0	8.00	Có bản vẽ kèm theo mua hàng
8	0601.01.0035	Thanh treo	M36x1000mm	Cái	Thay thanh treo cấp rung hỏng cầu trục bốc than.	8.00	2	6	0	8.00	Có bản vẽ kèm theo mua hàng
9	0601.01.0036	Thanh treo	M36x500mm	Cái	Thay thanh treo cấp rung hỏng cầu trục bốc than.	4.00	2	2	0	4.00	Có bản vẽ kèm theo mua hàng
10	1401.01.0838	Bánh xe đặc	Ø200	Cái	Gia công xe đẩy Gas-oxy phân xưởng sửa chữa	10.00	4	6	0	10.00	

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
11	1201.02.1428	Cao su chèn cáp	2.5x5mm	Kg	Lưu hóa băng tải, lưu hòa cục bộ các vất rách cụ bộ, nối băng, vật tư tiêu hao dùng thường xuyên.	10.00	0	10	0	10.00	Lưu trữ kho lạnh
12	1201.02.1430	Cao su non áp cáp	Mầu đỏ - B500x1mm	Kg	Lưu hóa băng tải, lưu hòa cục bộ các vất rách cụ bộ, nối băng, vật tư tiêu hao dùng thường xuyên.	10.00	0	10	0	10.00	Lưu trữ kho lạnh
13	1201.02.1105	Cao su lưu hóa	3x500x6000	M	Lưu hóa băng tải, lưu hòa cục bộ các vất rách cụ bộ, nối băng, vật tư tiêu hao dùng thường xuyên.	30.00	0	30	0	30.00	Lưu trữ kho lạnh
14	1201.02.1433	Keo dán nguội hai thành phần	SC2000, gồm 700g keo dán và 30g chất kết đông	Bộ	Vật tư dán nguội, bù sửa chữa thường xuyên băng tải vận chuyển.	10.00	0	10	0	10.00	Lưu trữ kho lạnh
15	1201.02.1434	Gioăng	DN150 P>1Mpa	Cái	Vật tư tiêu hao thay gioăng làm kín các cùm nối ống hệ thống nước cứu hỏa và sinh hoạt	20.00	0	20	0	20.00	
16	1201.02.1435	Gioăng	DN200 P>1Mpa	Cái	Vật tư tiêu hao thay gioăng làm kín các cùm nối ống hệ thống nước cứu hỏa và sinh hoạt	20.00	0	20	0	20.00	
Cộng/ToTal						**531.00**	**29**	**502**		**531**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 22 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000605

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Đức Anh	Ngày đề nghị: Request Date: 22/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 22/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.02.0575	Đầu nối côn	13-10	Cái	Thay thế đầu nối van điện từ máy nén khí tháp chuyển tiếp than	5.00	3	2	0	5.00	Cần gấp
2	1401.02.0576	Kép nối	10mm	Cái	Thay thế đầu nối van điện từ máy nén khí tháp chuyển tiếp than	5.00	3	2	0	5.00	Cần gấp
3	1401.02.0577	Kép nối góc nhanh	13-6	Cái	Thay thế đầu nối van điện từ máy nén khí tháp chuyển tiếp than	5.00	3	2	0	5.00	Cần gấp
4	1401.02.0578	Kép nối thẳng nhanh	13-6	Cái	Thay thế đầu nối van điện từ máy nén khí tháp chuyển tiếp than	5.00	3	2	0	5.00	Cần gấp
5	1201.02.1432	Ống khí nén	Ø6	M	Thay thế ống khí nén máy nén khí tháp chuyển tiếp than	2.00	1	1	0	2.00	Cần gấp
6	0402.01.0249	Bo nguồn	Input: 220VAC, output: 5VDC	Cái	Thay bo nguồn hệ thống túi lọc bụi băng tải ống	2.00	2	0	0	2.00	Cần gấp
7	0402.01.0250	Bo nguồn	Input: 220VAC, output: 4 đầu ra 5V DC; 24VDC; +12VDC; -12VDC	Cái	Thay bo nguồn hệ thống túi lọc bụi băng tải ống	2.00	1	1	0	2.00	Cần gấp
8	0905.01.0027	Van điện từ	4V230C-06; 110VAC	Cái	Thay thế van khí nén cửa than rơi	8.00	3	5	0	8.00	Cần gấp
9	0905.01.0028	Van điện từ	2W-15; DC 24V; 0-10kg/cm2	Cái	Thay van điện từ hệ thống hóa	5.00	2	3	0	5.00	Cần gấp

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
10	0905.01.0003	Mạch điều khiển van AUMA	Z119.146(00)	Cái	Thay bo mạch van Auma quạt khói	1.00	1	0	2	1.00	Cần gấp
Cộng/ToTal						**40.00**	**22**	**18**		**40**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 24 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000607

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: 24/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 24/08/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.02.0579	Cút thép 90°	Ø27mm	Cái	Gia công, cải tiến đường gió chèn van cửa than rơi máy cấp than	40.00	30	10	0	40.00	Cần gấp cho sửa chữa lò 1
2	1401.02.0580	Rắc co	Inox 304; Ø27mm	Cái	Gia công, cải tiến đường gió chèn van cửa than rơi máy cấp than	24.00	16	8	0	24.00	Cần gấp cho sửa chữa lò 1
3	1401.01.0839	Van bi tay gạt	Inox 304; DN50; Pn16; nối mặt bích	Cái	Gia công, cải tiến đường gió chèn van cửa than rơi máy cấp than	8.00	4	4	0	8.00	
Cộng/ToTal						**72.00**	**50**	**22**		**72**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000610

Tên phòng ban: Department: Phòng quản lý kho	Người đề nghị: Nguyễn Thị Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 26/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 31/08/2020

Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments	☐	Phụ tùng Accessories	☐	Công cụ dụng cụ Tools	☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting	☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories :	☐	Đầu tư bổ sung	☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form			Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan	☐			Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.01.1246	Giá để hàng	Bộ đầu KT3000x3080x800	Bộ	Bảo quản dầu, mỡ trong kho	1.00	1	0	0	1.00	4 tầng beam, chi tiết theo bản vẽ đính kèm
2	1101.01.1247	Giá để hàng	Bộ nối tiếp KT 3000x2290x800	Bộ	Bảo quản dầu, mỡ trong kho	3.00	3	0	0	3.00	4 tầng beam, chi tiết theo bản vẽ đính kèm
3	1701.02.0008	Chổi nhựa quét nước		Cái	Vệ sinh khu vực trạm cân và kho	5.00	2	3	0	5.00	
Cộng/ToTal						**9.00**	**6**	**3**		**9**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000611

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Ngô Phúc Dương	Ngày đề nghị: Request Date: 26/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 26/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0402.01.0091	Contactor	3P CONTACTOR TESYS E 30KW 110VAC	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
2	0407.01.0009	Bóng đèn cao áp Metal Halide Philip	HPI-T 250w/645	Cái	Dự phòng	100.00	0	100	0	100.00	
3	1401.01.0523	Bóng đèn cao áp	Son-T400W	Cái	Dự phòng	50.00	0	50	0	50.00	
4	0402.01.0124	Rơle nhiệt 3 pha	THERMAL OVERLOAD RELAY TESYS E 5,5...8A	Cái	Dự phòng	5.00	0	5	1	5.00	
5	0402.01.0126	Rơle nhiệt 3 pha	THERMAL OVERLOAD RELAY TESYS E 1...1,6A	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	1	10.00	
6	0402.02.0056	Quạt làm mát	220VAC, 12x12cm	Cái	Dự phòng	20.00	0	20	0	20.00	
7	0402.01.0256	Contactor	LC1D150, cuộn hút 110VAC	Cái	Dự phòng	5.00	0	5	0	5.00	
8	0402.01.0258	Contactor	LC1D12, cuộn hút 110VAC	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
9	0402.01.0262	Contactor	LADN22, cuộn hút 110VAC	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
10	0402.01.0264	Contactor	LC1D32, cuộn hút 110VAC	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
11	0402.01.0265	Contactor	LC1D50, cuộn hút 110VAC	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
12	0402.01.0266	Contactor	LC1D80, cuộn hút 110VAC	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
13	0402.01.0267	Contactor	AX40-30-10	Cái	Dự phòng	5.00	0	5	0	5.00	
14	0402.01.0251	Aptomat	GV2-ME08C/2.5-4	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
15	0402.01.0252	Aptomat	GV2-ME04C/0.4-0.63	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
16	0402.01.0253	Aptomat	GV2-ME02C/0.16-0.25	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
17	0402.01.0254	Aptomat	MS325	Cái	Dự phòng	5.00	0	5	0	5.00	
18	0402.01.0255	Tiếp điểm phụ	LADN11	Cái	Dự phòng	20.00	0	20	0	20.00	
19	0402.01.0259	Rơ le thời gian	JSS48A-S	Cái	Dự phòng	20.00	0	20	0	20.00	
20	0402.01.0261	Chỉnh lưu phanh	RY-3A	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
21	0402.02.0102	Bóng đèn tuýp led	T8-1,2m	Cái	Dự phòng	200.00	0	200	0	200.00	
22	0402.02.0103	Đui đèn	T8, 110V-240V	Cái	Dự phòng	50.00	0	50	0	50.00	
23	0402.01.0268	Còi báo	TGSG07, AC220	Cái	Dự phòng	5.00	0	5	0	5.00	
24	0402.01.0257	Cuộn từ	YCT-160/4B: 2,2-3kW	Cái	Dự phòng	2.00	0	2	0	2.00	
25	0402.01.0260	Công tắc hành trình	JW2A-11H/L	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	0	10.00	
26	0203.01.0002	Công tắc hành trình	XCK-J 10541H29C ui;500v uimp:6kv Ac15 240v 3A	Cái	Dự phòng	10.00	0	10	1	10.00	
27	0206.01.0252	Công tắc hành trình	GLAA20A1B 600VAC/1.2A;250VDC/0.11A	Cái	Dự phòng	5.00	0	5	1	5.00	
Cộng/ToTal						**622.00**	**0**	**622**		**622**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 26 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000612

Tên phòng ban: Department	Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: Nguyễn Đức Tưởng	Ngày đề nghị: 26/08/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 26/08/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form		Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.02.0581	Ống	Vật liệu: Teflon - PTFE, Ø6	M	Thay thế cho hệ thống CEMS	50.00	30	20	0	50.00	CEMS
2	1401.02.0582	Bộ lọc thứ cấp	Model: FP-2T-01; Mã mua hàng: SDLA020303001, thân ống thủy tinh, đầu PVDF, cổng (cửa) khí ra vào 1/4NPT, PTFE	Bộ	Thay thế cho hệ thống CEMS	10.00	2	8	0	10.00	CEMS
3	1401.02.0583	Nhẫn	Vật liệu: Teflon - PTFE, Ø6	Cái	Thay thế cho hệ thống CEMS	100.00	30	70	0	100.00	CEMS
Cộng/ToTal						**160.00**	**62**	**98**		**160**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 30 tháng 8 năm 2020

Số: DN2000617

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 30/08/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 30/08/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.02.0723	Dây thít nhựa đen	3x100mm	Cái	Dùng chung PXSC	2 000.00	0	2 000	0	2 000.00	
2	1401.01.0284	Pin tiểu	AA 1,5V	Quả	nt	100.00	0	100	0	100.00	
3	1401.01.0293	Pin tiểu	3A	Quả	nt	100.00	0	100	0	100.00	
4	1201.02.1119	Chổi quét sơn	1"	Cái	nt	100.00	0	100	0	100.00	
5	0402.02.0046	Phích cắm điện	2 chân 220V	Cái	nt	30.00	0	30	10	30.00	
6	1201.02.1120	Chổi quét sơn	2"	Cái	nt	150.00	0	150	0	150.00	
Cộng/ToTal						**2 480.00**	**0**	**2 480**		**2 480**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 1 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000620

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: Chu Thành Chung	Ngày đề nghị: Request Date: 01/09/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 01/09/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.1383	Hạt hút ẩm	Activated Alumina 3-5mm	Kg	Thay hạt hút ẩm cho máy làm khô hydro.	100.00	50	50	0	100.00	Mua loại 5 mm
Cộng/ToTal						**100.00**	**50**	**50**		**100**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 1 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000621

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: 01/09/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 01/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0346	Khí Ôxy		Chai	Dùng chung cho PXSC	90.00	0	90	8	90.00	
2	1201.02.0045	Gas	12kg	Bình	nt	17.00	0	17	3	17.00	
3	1201.02.0871	Khí Argon	40L-150Bar	Chai	nt	5.00	0	5	1	5.00	
Cộng/ToTal						**112.00**	**0**	**112**		**112**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 2 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000623

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Mai Quý Ngữ	Ngày đề nghị: 02/09/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 15/10/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0602.01.0130	Con lăn	Ø(133-8)x1400-6306-2/17	Cái	Thay các con lăn làm sạch hỏng B1200	20.00	4	16	0	20.00	Có bản vẽ kèm theo mua hàng.
2	0602.01.0131	Con lăn	Ø(108-8)x1150-6305-2/17	Cái	Thay các con lăn làm sạch hỏng B1000	10.00	2	8	0	10.00	Có bản vẽ kèm theo mua hàng.
3	1401.02.0589	Ống	PVC Ø200, Class 2	M	Gia công đường ống xả liệu cốt 46m xuống cốt 0	54.00	46	8	0	54.00	
4	1401.02.0587	Côn thu	PVC, Ø315/Ø200	Cái	Gia công đường ống xả liệu cốt 46m xuống cốt 0	4.00	4	0	0	4.00	
5	1401.02.0588	Măng sông	PVC, Ø200	Cái	Gia công đường ống xả liệu cốt 46m xuống cốt 0	5.00	5	0	0	5.00	
6	1401.01.0841	Cút 45°	SS400, DN200	Cái	Gia công đường ống xả liệu cốt 46m xuống cốt 0	5.00	4	1	0	5.00	Cút hàn SCH40
7	1201.02.1112	Giấy silicone chống dính, lưu hóa băng	B1200	M2	Vật tư tiêu hao dùng thườ ng xuyên lưu hóa băng tải.	30.00	0	30	30	30.00	Số lượng tồn kho đã xuất hết ngày 31/8
8	1401.02.0596	Măng sông ren ngoài	PVC ren 48/Ø27	Cái	Gia công hệ thống xử lý hó a (môi trường) nước thải xỉ.	5.00	2	3	0	5.00	
9	1401.02.0597	Măng sông ren ngoài	PVC, ren 48/Ø42	Cái	Gia công hệ thống xử lý hó a (môi trường) nước thải xỉ.	5.00	2	3	0	5.00	
10	1401.02.0598	Măng sông ống	PVC, Ø48	Cái	Gia công hệ thống xử lý hó a (môi trường) nước thải xỉ.	2.00	2	0	0	2.00	

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
11	1401.02.0599	Măng sông ống	PVC, Ø27	Cái	Gia công hệ thống xử lý hó a (môi trường) nước thải xỉ.	5.00	2	3	0	5.00	
12	1401.02.0600	Cút 90°	PVC Ø48	Cái	Gia công hệ thống xử lý hó a (môi trường) nước thải xỉ.	5.00	2	3	0	5.00	
13	1401.02.0601	Côn thu	PVC: 48/27	Cái	Gia công hệ thống xử lý hó a (môi trường) nước thải xỉ.	5.00	2	3	0	5.00	
14	1401.02.0602	Côn thu	PVC, 48/42	Cái	Gia công hệ thống xử lý hó a (môi trường) nước thải xỉ.	5.00	2	3	0	5.00	
15	0604.02.0008	Búa nghiền than	BNT-001	bộ	Dự phòng thay búa nghiền than	140.00	0	140	74	140.00	
16	0702.02.0002	Búa nghiền thứ cấp đá vôi	BĐV-001	Bộ	Dự thòng thay búa nghuền tinh đá vôi,	72.00	0	72	72	72.00	Hiện tại trong kho vẫn còn dự phò ng - ko đủ cho 2 máy, cần mua để thay cho đợt tới.
17	1201.02.1451	Keo dán	PVC, 500g	Hộp	Gia công đường ống xả liệu cốt 46m xuống cốt 0 + Gia công hệ thống xử lý hóa nước thải xỉ.	6.00	5	1	0	6.00	
Cộng/ToTal						**378.00**	**84**	**294**		**378**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 8 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000634

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: Request Date: 08/09/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 08/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.02.0607	Tết chì (Graphite ring gasket)	Ø31xØ19x5, Tmax:550° C, Pmax: 20 Mpa	Cái	Vật tư dự phòng van lò hơi	40.00	0	40	0	40.00	
2	1401.02.0608	Tết chì (Graphite ring gasket)	Ø55xØ35x10, Tmax:550° C, Pmax: 20 Mpa	Cái	Vật tư dự phòng van lò hơi	20.00	0	20	0	20.00	
3	0204.02.0015	Tết chì	Graphite ring gasket Ø32xØ20x5, Tmax:550 C, Pmax: 20Mpa.	cái	Vật tư dự phòng van lò hơi	50.00	0	50	0	50.00	
4	0204.02.0020	Tết chì	Graphite ring gasket Ø32xØ19x5, Tmax:550 C, Pmax: 20Mpa.	cái	Vật tư dự phòng van lò hơi	60.00	0	60	0	60.00	
5	1401.02.0590	Gioăng thép xoắn	490x540x5mm	Cái	Vật tư dự phòng van cone	8.00	0	8	0	8.00	
6	1401.02.0591	Gioăng	Plate Heat Exchanger BR0.6-1.0-75	Cái	Dự phòng két làm mát dầu quạt khói	50.00	0	50	0	50.00	
7	1401.02.0594	Gioăng	Board Type Heat Exchanger BR0.14-3	Cái	Dự phòng két làm mát dầu quạt sơ cấp	40.00	0	40	0	40.00	
8	1401.02.0592	Rắc co	Su304; Ø34mm	Cái	Gia công đường gió chèn van cửa than rơi	64.00	58	6	0	64.00	
9	1401.02.0593	Cút thép 90°	Thép đen, cút hàn Ø34mm	Cái	Gia công đường gió chèn van cửa than rơi	50.00	40	10	0	50.00	
10	1401.01.0797	Cút hàn 90 độ	DN50	Cái	Gia công đường gió chèn van cửa than rơi	30.00	30	0	14	30.00	
11	1201.02.0953	Ống thép mạ kẽm	DN25, 2.6x6000mm	M	Gia công đường gió chèn van cửa than rơi	90.00	70	20	0	90.00	

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
12	1401.01.0498	Van bi ren tay gạt	100WOG 304- 1" ,P:16bar, ren NTP	Cái	Gia công đường gió chèn van cửa than rơi	20.00	20	0	13	20.00	
13	1201.02.1453	Vít dù bắn tôn	Din 7504T, M3.5 ,L=15mm	Túi	Bọc bảo ôn đường ống	10.00	2	8	0	10.00	Túi 100 cái
14	1201.02.1454	Ống khí nén	TUBE,PU: OD6mm	M	Dùng chung các vị trí	20.00	0	20	0	20.00	
15	1401.02.0595	Kép nối nhanh	Quick-Connect Fitting D6, Thread OD 10	Cái	Dùng chung các vị trí	40.00	10	30	0	40.00	
16	1401.02.0382	Kép nối nhanh (Quick-connect fitting)	D6, Thread OD6	Cái	Dùng chung các vị trí	40.00	10	30	0	40.00	
17	1401.02.0605	Chổi than	CB415	Cái	Thay cho súng bắn bu lông	12.00	4	8	0	12.00	
18	1401.02.0606	Vòng bi	51106	Cái	Thay van tay cửa than rơi	4.00	2	2	0	4.00	
19	1101.02.0737	Vòi bơm mỡ mềm	Đầu ren 1/4" L=250mm	cái	Thay cho súng bơm mỡ	20.00	5	15	0	20.00	Có cả đầu nhọn đi kèm
20	1101.02.0738	Vòi bơm mỡ cứng	Đầu ren 1/4" L=150mm	cái	Thay cho súng bơm mỡ	20.00	5	15	0	20.00	Có cả đầu nhọn đi kèm
21	1101.01.0825	Khóa giàn giáo - Khóa tĩnh	Ø48x2.5(mm)	bộ	Dùng chung phân xưởng bắc giàn giáo thi công	600.00	600	0	0	600.00	Cần gấp sửa chữa tổ máy 1
22	1101.01.0826	Khóa giàn giáo - Khóa xoay	Ø48x2.5(mm)	bộ	Dùng chung phân xưởng bắc giàn giáo thi công	300.00	300	0	0	300.00	Cần gấp sửa chữa tổ máy 1
23	1201.02.1455	Axeton		Kg	Bảo dưỡng máy nén khí	480.00	160	320	0	480.00	Sử dụng loại gốc dầu.tẩy dám keo bám trên bề mặt kim loại
Cộng/ToTal						**2 068.00**	**1 316**	**752**		**2 068**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent